

Số: 274 /TB-UBDT

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2025

THÔNG BÁO

Về việc giao một số mục tiêu, chỉ tiêu chủ yếu

**thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội
vùng đồng bào dân tộc thiểu số**

VĂN PHÒNG UBND TỈNH LAO CÁI

Số: 6450

ĐẾN Ngày 26/2/2025

Thuyền

Số và ký hiệu HS

Căn cứ Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 cho các địa phương thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia, Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 23 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia và điều chỉnh một số chỉ tiêu mục tiêu, nhiệm vụ của 03 chương trình mục tiêu quốc gia tại Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ, Thông báo số 1119/TB-UBDT ngày 28/6/2024 của Ủy ban Dân tộc về việc điều chỉnh, bổ sung một số chỉ tiêu, mục tiêu, nhiệm vụ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030; giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (viết tắt là Chương trình) giao các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Thực hiện Công văn số 114/TTg-QHĐP ngày 12 tháng 02 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc ủy quyền thông báo mục tiêu mục tiêu nhiệm vụ năm 2025 của các chương trình mục tiêu quốc gia. Ủy ban Dân tộc thông báo một số mục tiêu, chỉ tiêu thực hiện Chương trình của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương năm 2025 và cả giai đoạn (*Chi tiết thao phụ lục đính kèm*).

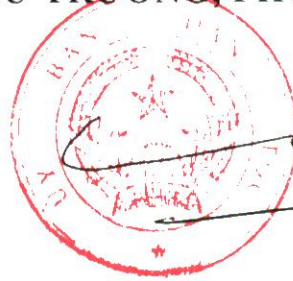
Năm 2025 là năm cuối thực hiện Chương trình giai đoạn I, Ủy ban Dân tộc đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chỉ đạo rà soát các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình trong cả giai đoạn I: từ năm 2021 đến 2025, chủ động cân đối, bố trí đủ nguồn lực, cũng như

chỉ đạo các cấp, các ngành triển khai hiệu quả để thực hiện hoàn thành tất cả các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình được cấp có thẩm quyền giao theo Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội và Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ. 

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Phó TTg TTCP Nguyễn Hoà Bình (để b/c);
- Bộ trưởng, Chủ nhiệm (để b/c);
- Các TT, PCN;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan trung ương có liên quan;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cơ quan công tác Dân tộc các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Lưu: VT, VPCTMTQG (2).

**KT. BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM
THỨ TRƯỞNG, PHÓ CHỦ NHIỆM**



Y Vinh Tơ

ỦY BAN DÂN TỘC

**MỘT SỐ MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU CƠ BẢN
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐẾN CUỐI NĂM 2025**

(Kèm theo Thông báo số 274/TB-UBDT ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban Dân tộc)

6. TỈNH LÀO CAI

STT	Nội dung mục tiêu	Đơn vị tính	Số lượng
1	Mục tiêu về tỷ lệ giảm nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số bình quân hằng năm (%)	%	6,0
2	Nhóm mục tiêu số xã, thôn ra khỏi địa bàn đặc biệt khó khăn (phần đầu 50% xã, thôn ra khỏi địa bàn đặc biệt khó khăn):		
-	Số xã ra khỏi địa bàn đặc biệt khó khăn	Xã	33
-	Số thôn, bản ra khỏi địa bàn đặc biệt khó khăn	Thôn	303
3	Thu nhập bình quân của người dân tộc thiểu số (tăng 2 lần so năm 2020)	Lần	2
4	Nhóm mục tiêu về cải thiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội ở các xã thôn vùng đồng bào DTTS và MN:		
-	Tỷ lệ xã có đường ô tô đến trung tâm xã được rải nhựa hoặc bê tông	%	100,0
-	Tỷ lệ thôn có đường ô tô đến trung tâm được cứng hóa	%	>70
-	Tỷ lệ trường, lớp học được xây dựng kiên cố	%	100,0
-	Tỷ lệ trạm y tế được xây dựng kiên cố	%	100,0
-	Tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia và các nguồn điện khác phù hợp, sử dụng điện lưới quốc gia,	%	>99
-	Tỷ lệ đồng bào DTTS được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh	%	>90
-	Tỷ lệ đồng bào DTTS được xem truyền hình	%	100,0
-	Tỷ lệ đồng bào DTTS được nghe đài phát thanh	%	100,0
5	Nhóm mục tiêu về lĩnh vực giáo dục:	%	
-	Tỷ lệ học sinh học mẫu giáo 5 tuổi đến trường	%	>98%
-	Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi học tiểu học đến trường	%	>97%
-	Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi học trung học cơ sở đến trường	%	>95%
-	Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi học trung học phổ thông đến trường	%	>60%
-	Tỷ lệ người từ 15 tuổi trở lên đọc thông, viết thạo tiếng phổ thông	%	>90%
6	Nhóm mục tiêu về lĩnh vực y tế và chăm sóc sức khỏe người dân		
-	Tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số tham gia bảo hiểm y tế	%	>98
-	Tỷ lệ phụ nữ mang thai được thăm khám định kỳ (ít nhất 4 lần trong thai kỳ)	%	>80%
-	Tỷ lệ phụ nữ sinh con tại cơ sở y tế hoặc có sự hỗ trợ của nhân viên y tế	%	>80%
-	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	%	<15%
7	Tỷ lệ lao động trong độ tuổi được đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu, điều kiện của người dân tộc thiểu số và đặc thù vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	%	>50

8	Nhóm mục tiêu về bảo tồn và phát triển các giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc:		
-	Tỷ lệ thôn có nhà sinh hoạt cộng đồng	%	>80
-	Tỷ lệ thôn có đội văn hóa, văn nghệ (CLB) truyền thống hoạt động thường xuyên, có chất lượng	%	>50
9	Nhóm một số chỉ tiêu cụ thể		
-	Giải quyết đất ở (hộ)	Hộ	46
-	Giải quyết nhà ở (hộ)	Hộ	351
-	Hỗ trợ trực tiếp đất sản xuất (hộ)	Hộ	967
-	Hỗ trợ chuyển đổi nghề (hộ)	Hộ	4.000
-	Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán (hộ)	Hộ	6.305
-	Hỗ trợ xây dựng công trình nước sinh hoạt tập trung (công trình)	Công trình	20
-	Sắp xếp, ổn định dân cư (hộ)	Hộ	2.350
-	Đào tạo nghề (người)	Người	78.381
-	Hỗ trợ nhựa hoá, bê tông hoá hặc cứng hoá đường giao thông (km)	Km	150

